## VIII. LĨNH VỰC GIẢM NGHÈO

**2.** **Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo thường xuyên hằng năm. Mã TTHC - 1.011607**

**(1) Trình tự thực hiện:**

a) Bước 1: Gửi hồ sơ

Hộ gia đình có Giấy đề nghị rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện hoặc qua Cổng Dịch vụ công trực tuyến đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

b) Bước 2: Lập danh sách hộ gia đình cần rà soát

- Ban Chỉ đạo rà soát cấp xã chủ trì, phối hợp với khu phố, khóm, ấp,… và rà soát viên lập danh sách hộ gia đình có Giấy đề nghị rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo mẫu tại Phụ lục I Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH.

- Rà soát viên sử dụng Phiếu A theo Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH (hướng dẫn sử dụng phiếu A tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BLĐTBXH) để nhận dạng nhanh đặc điểm hộ gia đình. Trường hợp có dưới 04 chỉ tiêu từ cột 01 đến cột 09 thì đưa vào danh sách hộ gia đình cần rà soát.

c) Bước 3: Thu thập thông tin, tính điểm và phân loại hộ gia đình

Ban Chỉ đạo rà soát cấp xã chủ trì, phối hợp với trưởng khu phố, khóm, ấp,… và rà soát viên sử dụng Phiếu B theo Phụ lục III và hướng dẫn sử dụng phiếu B tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BLĐTBXH để thu thập thông tin hộ gia đình, tính điểm, tổng hợp và phân loại hộ gia đình.

d) Bước 4: Tổ chức họp dân để thống nhất kết quả rà soát

- Thành phần cuộc họp: Ban Chỉ đạo rà soát cấp xã, công chức được giao nhiệm vụ làm công tác giảm nghèo cấp xã, Trưởng khu phố, khóm, ấp,… (chủ trì họp), Bí thư Chi bộ khu phố, khóm, ấp,…, đoàn thể, rà soát viên và một số đại diện hộ gia đình qua rà soát, hộ gia đình khác; mời đại diện Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã giám sát.

- Nội dung cuộc họp: Lấy ý kiến thống nhất của ít nhất 50% tổng số người tham dự cuộc họp về kết quả đánh giá, tính điểm đối với các hộ gia đình qua rà soát. Trường hợp ý kiến thống nhất dưới 50%, thực hiện rà soát lại tại Bước 2 và tổ chức họp dân lại tại Bước 3 này.

- Kết quả cuộc họp được lập thành 02 biên bản theo Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH , có chữ ký của chủ trì, thư ký cuộc họp và đại diện các hộ dân (01 bản lưu ở khu phố, khóm, ấp,…, 01 bản gửi Ban Chỉ đạo rà soát cấp xã).

đ) Bước 5: Niêm yết, thông báo công khai

- Niêm yết công khai kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo tại nhà văn hóa hoặc nhà sinh hoạt cộng đồng khu phố, khóm, ấp,… và trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã; thông báo qua đài truyền thanh cấp xã (nếu có) trong thời gian 03 ngày làm việc.

- Trong thời gian niêm yết, thông báo công khai, trường hợp có khiếu nại của người dân, Ban Chỉ đạo rà soát cấp xã tổ chức phúc tra kết quả rà soát theo đúng quy trình rà soát trong thời gian không quá 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được khiếu nại; niêm yết công khai kết quả phúc tra tại nhà văn hóa hoặc nhà sinh hoạt cộng đồng khu phố, khóm, ấp,… và trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã trong thời gian 03 ngày làm việc.

- Hết thời gian niêm yết công khai và phúc tra (nếu có), Ban Chỉ đạo rà soát cấp xã tổng hợp, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã về danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo (sau khi rà soát) theo Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH .

e) Bước 6: Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định công nhận danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo theo Mẫu số 02 và cấp Giấy chứng nhận cho hộ nghèo, hộ cận nghèo theo Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg .

Trường hợp không đủ điều kiện theo quy định, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

### (2) Địa điểm thực hiện

- Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.

- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích;

### - Thủ tục hành chính thực hiện qua dịch vụ công trực tuyến : dichvucong.gov.vn.

### (3) Cách thức thực hiện:

a) Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.

b) Nộp thông qua dịch vụ bưu chính.

1. Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công.

### (4) Thành phần, số lượng hồ sơ:

***- Thành phần hồ sơ bao gồm:***

- Thành phần hồ sơ: Giấy đề nghị rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg.

- ***Số lượng hồ sơ:* 01 bộ**.

***(5) Thời hạn giải quyết***: 15 ngày kể từ ngày bắt đầu rà soát (mỗi tháng 01 lần, thực hiện từ ngày 15 hằng tháng).

***(6) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:*** Hộ gia đình.

### (7) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a. Cơ quan, người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

b. Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp xã.

c. Cơ quan/người phối hợp (nếu có): Không.

***(8) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:***

- Quyết định công nhận danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo; hộ thoát nghèo, thoát cận nghèo theo Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg

- Giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo theo Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg.

***(9) Lệ phí, phí (nếu có):*** Không.

### (10) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có):

### Giấy đề nghị rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg.

### (11) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không.

***(12) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:***

- Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025.

- Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH ngày 18 tháng 7 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn phương pháp rà soát, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo; xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025 và mẫu biểu báo cáo.

- Thông tư số 02/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 3 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH ngày 18 tháng 7 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn phương pháp rà soát, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo; xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025 và mẫu biểu báo cáo

- Thông tư số 13/2025/TT-BNNMT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực kinh tế hợp tác và phát triển nông thôn và lĩnh vực giảm nghèo.

- Quyết định số 967/QĐ-BNNMT ngày 18 tháng 4 năm 2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa lĩnh vực giảm nghèo thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

**(13) Thành phần hồ sơ cần phải số hoá:**

Giấy đề nghị rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg.

**(14) Kết quả giải quyết TTHC cần phải số hoá:**

## - Quyết định công nhận danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo theo Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg

## - Giấy chứng nhận cho hộ nghèo, hộ cận nghèo theo Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg.

**\* Kèm theo Mẫu đơn/Tờ khai của TTHC**

Mẫu số 01. Giấy đề nghị rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hoặc xác định hộ có mức sống trung bình

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**GIẤY ĐỀ NGHỊ …[[1]](#footnote-1)**

Kính gửi:Chủ tịchỦy ban nhân dân xã/phường

Họ và tên: ..................................................................., Giới tính *(1: Nam;2: Nữ)*: ...........................

Sinh ngày ........ tháng .......... năm ............, Dân tộc: ...........

Số CCCD: .................................................................................. Ngày cấp: ........../........../…...........

Nơi thường trú: .....................................................................................................................................

Nơi ở hiện tại: ........................................................................................................................................

Thông tin các thành viên của hộ:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số TT** | **Họ và tên** | **Giới tính**  *(1: Nam;*  *2: Nữ)* | **Ngày, tháng, năm sinh** | **Quan hệ với**  **chủ hộ**  *(Chủ hộ/vợ/ chồng/bố/mẹ/ con...)* | **Tình trạng**  ***(****Có việc làm/ Không có việc làm/ Đang đi học)* |
| 01 |  |  |  |  |  |
| 02 |  |  |  |  |  |
| 03 |  |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |  |

Lý do đề nghị[[2]](#footnote-2): ............................................................................................................................. …….....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

|  |  |
| --- | --- |
|  | ....*, ngày* .... *tháng* .... *năm ..*..  **NGƯỜI ĐỀ NGHỊ**  *(Ký, ghi rõ họ tên)* |

**(15) Quy trình nội bộ, quy trình điện tử của TTHC**

**a) Thời hạn giải quyết:** Không quá 15 ngày, kể từ ngày bắt đầu rà soát.

**b) Quy trình nội bộ, liên thông và điện tử:**

***Trường hợp nhận hồ sơ tại Trung tâm PVHCC cấp xã (nơi có thẩm quyền giải quyết (trực tuyến, trực tiếp, BCCI)***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Bước** | **Nội dung công việc** | **Đơn vị**  **thực hiện** | **Thời gian**  **giải quyết** |
| 1 | *Gửi hồ sơ:*  Hộ gia đình có Giấy đề nghị rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện hoặc qua Cổng Dịch vụ công trực tuyến đến Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp xã | Công chức TTPVHCC | 0,5 ngày |
| 2 | *Lập danh sách hộ gia đình cần rà soát:*  - Ban Chỉ đạo rà soát cấp xã chủ trì, phối hợp với khu phố, khóm, ấp,… và rà soát viên lập danh sách hộ gia đình cần rà soát theo mẫu tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH.  - Rà soát viên sử dụng Phiếu A theo Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH (hướng dẫn sử dụng phiếu A tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BLĐTBXH) để nhận dạng nhanh đặc điểm hộ gia đình. Trường hợp có dưới 04 chỉ tiêu từ cột 01 đến cột 09 thì đưa vào danh sách hộ gia đình cần rà soát. | Lãnh đạo UBND cấp xã, Ban Chỉ đạo rà soát cấp xã, cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã | 1 ngày |
| 3 | *Thu thập thông tin, tính điểm và phân loại hộ gia đình:*  Ban Chỉ đạo rà soát cấp xã chủ trì, phối hợp với trưởng khu phố, khóm, ấp,… và rà soát viên sử dụng Phiếu B theo Phụ lục III và hướng dẫn sử dụng phiếu B tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BLĐTBXH để thu thập thông tin hộ gia đình, tính điểm, tổng hợp và phân loại hộ gia đình. | Ban Chỉ đạo rà soát cấp xã, cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã | 2,5 ngày |
| 4 | *Tổ chức họp dân để thống nhất kết quả rà soát*:  - Thành phần cuộc họp: Ban Chỉ đạo rà soát cấp xã, công chức được giao nhiệm vụ làm công tác giảm nghèo cấp xã, Trưởng khu phố, khóm, ấp,… (chủ trì họp), Bí thư Chi bộ khu phố, khóm, ấp,…, đoàn thể, rà soát viên và một số đại diện hộ gia đình qua rà soát, hộ gia đình khác; mời đại diện Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã giám sát.  - Nội dung cuộc họp: Lấy ý kiến thống nhất của ít nhất 50% tổng số người tham dự cuộc họp về kết quả đánh giá, tính điểm đối với các hộ gia đình qua rà soát. Trường hợp ý kiến thống nhất dưới 50%, thực hiện rà soát lại tại Bước 2 và tổ chức họp dân lại tại Bước 3 này.  - Kết quả cuộc họp được lập thành 02 biên bản theo Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH, có chữ ký của chủ trì, thư ký cuộc họp và đại diện các hộ dân (01 bản lưu ở khu phố, khóm, ấp,…, 01 bản gửi Ban Chỉ đạo rà soát cấp xã). | Lãnh đạo UBND cấp xã, Ban Chỉ đạo rà soát cấp xã, cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã | 2 ngày |
| 5 | *Niêm yết, thông báo công khai:*  - Niêm yết công khai kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo tại nhà văn hóa hoặc nhà sinh hoạt cộng đồng khu phố, khóm, ấp,… và trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã; thông báo qua đài truyền thanh cấp xã (nếu có) trong thời gian 03 ngày làm việc.  - Trong thời gian niêm yết, thông báo công khai, trường hợp có khiếu nại của người dân, Ban Chỉ đạo rà soát cấp xã tổ chức phúc tra kết quả rà soát theo đúng quy trình rà soát trong thời gian không quá 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được khiếu nại; niêm yết công khai kết quả phúc tra tại nhà văn hóa hoặc nhà sinh hoạt cộng đồng khu phố, khóm, ấp,… và trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã trong thời gian 03 ngày làm việc.  - Hết thời gian niêm yết công khai và phúc tra (nếu có), Ban Chỉ đạo rà soát cấp xã tổng hợp, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã về danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo và danh sách hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo (sau khi rà soát). | Ban Chỉ đạo rà soát cấp xã, cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã | 7 ngày |
| 6 | *Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo*  Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định công nhận danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo theo Mẫu số 02 và cấp Giấy chứng nhận cho hộ nghèo, hộ cận nghèo theo Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg.  Trường hợp không đủ điều kiện theo quy định, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. | Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã | 2 ngày |
| 7 | Trả kết quả cho cá nhân, tổ chức | Công chức TTPVHCC | Giờ hành chính |

1. Rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hoặc xác định hộ có mức sống trung bình. [↑](#footnote-ref-1)
2. Hộ gia đình đề nghị rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo vì các lý do như:

   - Bị ảnh hưởng bởi thiên tai (hạn hán, lũ lụt, bão, giông lốc, sóng thần); môi trường bị ô nhiễm nặng; tai nạn lao động, tai nạn giao thông, bệnh tật nặng; rủi ro về kinh tế (chịu thiệt hại nặng về các tài sản chủ yếu như nhà ở, công cụ sản xuất, mất đất sản xuất, mất mùa, dịch bệnh); rủi ro về xã hội (bị lừa đảo, là nạn nhân của tội phạm)...

   - Có biến động về nhân khẩu trong hộ gia đình (có thêm con, bộ đội xuất ngũ trở về gia đình, lao động chính trong hộ bị chết…). [↑](#footnote-ref-2)